HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 64/2026/NQ-HĐND	*Tuyên Quang, ngày 28 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Tuyên Quang"

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 06/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 145/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 368/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng;

Xét Tờ trình số 202/TTr-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Tuyên Quang"; Báo cáo thẩm tra số 237/BC-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Tuyên Quang".

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định về tên gọi, đối tượng, tiêu chuẩn tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Tuyên Quang" theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 06/2026/QH16; quy định về nguyên tắc, thời gian xét tặng và mức tiền thưởng kèm theo Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Tuyên Quang";

b) Những nội dung không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của Luật số 06/2022/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 06/2026/QH16 và pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Hà Giang trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và tỉnh Tuyên Quang từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trở đi (sau đây gọi chung là tỉnh Tuyên Quang), đủ tiêu chuẩn

tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Tuyên Quang" theo quy định tại Nghị quyết này, trừ trường hợp đã được tặng Huy hiệu "Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Hà Giang", Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Hà Giang", Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Hà Giang";

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Tuyên Quang".

Điều 2. Tên gọi Kỷ niệm chương

Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp phát triển tỉnh Tuyên Quang" (sau đây gọi tắt là Kỷ niệm chương).

Điều 3. Nguyên tắc xét tặng

1. Bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết này.

2. Mỗi cá nhân được tặng Kỷ niệm chương một lần; không áp dụng hình thức truy tặng.

3. Trường hợp cá nhân đã hoặc đang đảm nhiệm nhiều chức vụ (nhiệm vụ) có tiêu chuẩn xét tặng khác nhau quy định tại Điều 4 Nghị quyết này thì được lựa chọn xét tặng theo tiêu chuẩn mà mình đáp ứng đủ.

4. Cá nhân trực tiếp tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang hoặc làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc có thời gian công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cấp có thẩm quyền thì thời gian tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, làm việc ở môi trường, khu vực trên được quy đổi bằng 1,5 lần thời gian làm việc ở môi trường, khu vực bình thường khi tính tổng thời gian công tác để xét tặng Kỷ niệm chương.

5. Đối với cá nhân đang công tác trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương thì trong thời gian 05 năm liền kề tính đến thời điểm xét tặng phải được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng từng năm ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

6. Thời gian cá nhân được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự được tính vào tổng thời gian công tác để xét tặng Kỷ niệm chương.

7. Thời gian thi hành kỷ luật không được tính vào tổng thời gian công tác để xét tặng Kỷ niệm chương.

8. Chưa xét tặng đối với cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, tiêu cực đang được xác minh làm rõ.

9. Không xét tặng đối với cá nhân bị kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng, kỷ luật ở hình thức bãi nhiệm, buộc thôi việc; bị tước danh hiệu quân nhân, công an nhân dân; bị kết án theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

10. Khen thưởng cấp Bộ, ban, ngành, tỉnh tại khoản 6, 7, 8 Điều 4 Nghị quyết này, bao gồm:

a) Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các ban của Đảng và tương đương ở Trung ương; Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương;

b) Chiến sĩ thi đua tỉnh Tuyên Quang; Bằng khen của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Đối tượng, tiêu chuẩn

Kỷ niệm chương được tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có đóng góp vào quá trình phát triển tỉnh Tuyên Quang, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Cá nhân đã hoặc đang đảm nhiệm chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Quang.

2. Cá nhân đã hoặc đang đảm nhiệm một trong các chức vụ (nhiệm vụ) từ đủ 01 nhiệm kỳ (05 năm) trở lên, gồm:

a) Phó Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Quang; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang;

b) Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Phó Trưởng đoàn chuyên trách Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang;

c) Đại biểu Quốc hội thuộc Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang.

3. Cá nhân có thời gian công tác tại tỉnh Tuyên Quang từ đủ 10 năm trở lên, đã hoặc đang đảm nhiệm một trong các chức vụ (nhiệm vụ) sau:

a) Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang;

b) Trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy Tuyên Quang;

c) Trưởng các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

d) Trưởng các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Chánh Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

đ) Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Tuyên Quang;

e) Trưởng các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

g) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

4. Cá nhân có thời gian công tác tại tỉnh Tuyên Quang từ đủ 15 năm trở lên, đã hoặc đang đảm nhiệm một trong các chức vụ sau:

a) Cấp phó của chức vụ quy định tại điểm b, c, d, đ, e khoản 3 Điều này;

b) Phó Bí thư Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh Tuyên Quang; Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh Tuyên Quang (không là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang hoặc Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang);

c) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang;

d) Trưởng các hội cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ;

đ) Ủy viên Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy Tuyên Quang;

e) Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy và tương đương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trước ngày 01 tháng 7 năm 2025;

g) Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trở đi.

5. Cá nhân có thời gian công tác tại tỉnh Tuyên Quang từ đủ 20 năm trở lên, đã hoặc đang đảm nhiệm một trong các chức vụ sau:

a) Trưởng phòng và tương đương thuộc các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy Tuyên Quang;

b) Trưởng phòng và tương đương thuộc các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

c) Trưởng phòng thuộc Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang;

d) Trưởng ban và tương đương, trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Tuyên Quang;

đ) Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang không chuyên trách;

e) Ủy viên Ban Thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Tuyên Quang;

g) Cấp phó của chức vụ quy định tại điểm d khoản 4 Điều này;

h) Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh Tuyên Quang; Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh Tuyên Quang;

i) Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy và tương đương; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thành phố trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.

k) Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trở đi;

l) Trưởng phòng, đơn vị thuộc các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

6. Cá nhân có thời gian công tác tại tỉnh Tuyên Quang từ đủ 25 năm trở lên đối với nữ, từ đủ 30 năm trở lên đối với nam và có ít nhất 01 lần được khen thưởng cấp Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đề nghị hoặc được khen thưởng cấp Bộ, ban, ngành, tỉnh, gồm:

a) Cá nhân đã hoặc đang đảm nhiệm các chức vụ khác ngoài các chức vụ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này;

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đã hoặc đang công tác trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, các đơn vị sự nghiệp công lập, các doanh nghiệp Nhà nước, các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;

c) Cán bộ, chiến sĩ đã hoặc đang công tác trong lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn tỉnh.

7. Cá nhân là người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật từ đủ 10 năm trở lên; tạo việc làm ổn định cho tối thiểu 10 lao động của địa phương; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, chế độ bảo hiểm cho công nhân, người lao động; thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và có ít nhất 01 lần được khen thưởng cấp Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đề nghị hoặc được khen thưởng cấp Bộ, ban, ngành, tỉnh.

8. Cá nhân lập được nhiều thành tích trong công tác, lao động, sản xuất; có sáng kiến, giải pháp, tác phẩm, công trình, mô hình, cách làm hay mang lại lợi ích giá trị cao, có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh được cấp có thẩm quyền công nhận và có ít nhất 01 lần được khen thưởng cấp Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đề nghị hoặc được khen thưởng cấp Bộ, ban, ngành, tỉnh.

9. Cá nhân giữ chức vụ từ Vụ trưởng và tương đương trở lên thuộc các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương có đóng góp thiết thực, hiệu quả vào sự nghiệp phát triển của tỉnh Tuyên Quang.

10. Cá nhân ngoài các trường hợp nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều này có đóng góp đặc biệt xuất sắc, tiêu biểu, thiết thực vào quá trình phát triển tỉnh Tuyên Quang trong các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Thời gian xét tặng

Kỷ niệm chương được xét tặng định kỳ mỗi năm một lần vào dịp kỷ niệm Ngày thành lập tỉnh hoặc xét tặng đột xuất để phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 6. Mức tiền thưởng

Mức tiền thưởng bằng 0,6 lần mức lương cơ sở, được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 11 năm 2026.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XX, Kỳ họp thứ sáu (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 10 năm 2026.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh (đăng tải);
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Lê Thị Thanh Trà